

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu năm (ngày 01/01)	Vay trong năm	Trả nợ trong năm 2021			Dư nợ cuối năm (ngày 31/12)
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=1+2-3
	Tổng cộng	431.079	62.262	152.174	4.952	157.126	341.169
I	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước (*)	133.500		133.500		133.500	0
II	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	0	0	0	0	0	0
III	Vay lại vốn vay nước ngoài	297.581	62.262	18.674	4.952	23.626	341.169
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	10.341		1.149		1.149	9.192
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	46.058	11.790	3.426	1.053	4.479	54.422
3	Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	53.041		1.946	1.041	2.987	51.095
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	81.235	50.472		1.774	1.774	131.707
5	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) (**)	106.906		12.153	1.084	13.237	94.753

Ghi chú:

* Bao gồm khoản tạm ứng tồn ngân KBNN 133,5 tỷ đồng của dự án đường ven biển Nhơn Hội - Tam Quan đã được Bộ Tài chính khoanh nợ và không thu phí tạm ứng tại Công văn số 12138/BTC-KBNN ngày 12/9/2011

** Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam được trả nợ bằng nguồn vốn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay.

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO LUẬT NSNN	3.647.800
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	91.500
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC	
I	Tổng dư nợ đầu năm	398.672
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	10,9%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	398.672
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
II	Trả nợ gốc vay trong năm (*)	43.852
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	43.852
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	43.852
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
2	Nguồn trả nợ	43.852
-	Bội thu ngân sách địa phương	31.700
-	Khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay	12.152
III	Tổng mức vay trong năm	123.200
1	Theo mục đích vay	123.200
-	Vay bù đắp bội chi	91.500
-	Vay trả nợ gốc	31.700
2	Theo nguồn vay	123.200
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	123.200
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
IV	Tổng dư nợ cuối năm	478.020
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	13,1%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	478.020
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
D	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	7.339

Ghi chú:

(*): Bao gồm hoàn trả gốc vay 04 dự án (Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải; Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án TP Quy Nhơn; Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập) 31.700 triệu đồng từ nguồn bội thu ngân sách địa phương và trả nợ gốc vay Dự án Năng lượng nông thôn II là 12.152 triệu đồng từ nguồn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay.